TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 316/2021/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 07 tháng 6 năm 2021*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016);

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 236/2021/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lâm Huỳnh Thế K, sinh năm 1984; Địa chỉ: Ấp 1, xã Tam H, huyện B, tỉnh B; Tạm trú: Số 585/32/30 Huỳnh T, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố H.

- Bà Phạm Thị Bé T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh B; Tạm trú: Số 585/32/30 Huỳnh T, khu phố 1, phường T, Quận B, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Lâm Huỳnh Thế K và bà Phạm Thị Bé T là loại việc hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo thủ tục sơ thẩm, được quy định tại khoản 2 Điều 29, Điều 396 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lâm Huỳnh Thế K và bà Phạm Thị Bé T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2010 ngày 04/12/2010. Do cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông bà yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy tình cảm giữa ông Lâm Huỳnh Thế K và bà Phạm Thị Bé T đã thật sự không còn, không có khả năng đoàn tụ. Việc thuận tình ly hôn của ông Lâm Huỳnh Thế K và bà Phạm Thị Bé T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên chấp nhận.

[2] Về con chung:

Ông Lâm Huỳnh Thế K và bà Phạm Thị Bé T xác nhận trong quá trình chung sống có 01 (một) con chung tên Lâm Phạm Thế Kh (nam), sinh ngày 20/5/2013, cả hai thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng. Việc thỏa thuận nuôi con giữa ông K và bà T là tự nguyện, phù hợp Luật Hôn nhân và Gia đình, xét thấy nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Ông Lâm Huỳnh Thế K và bà Phạm Thị Bé T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Lâm Huỳnh Thế K và bà Phạm Thị Bé T cam kết không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[5] Về lệ phí việc dân sự: Ông Lâm Huỳnh Thế K và bà Phạm Thị Bé T chịu lệ phí theo quy định về lệ phí, án phí của Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Huỳnh Thế K và bà Phạm Thị Bé T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 40, quyển số 01/2010 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh B cấp ngày 04/12/2010).

- Về con chung: Ông Lâm Huỳnh Thế K và bà Phạm Thị Bé T có 01 (một) con chung tên Lâm Phạm Thế Kh (nam), sinh ngày 20/5/2013, cả hai thỏa thuận giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 (mười triệu) đồng.

Bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/6/2021 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong trường hợp ông Lâm Huỳnh Thế K chậm thực hiện nghĩa

vụ cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

Ông Lâm Huỳnh Thế K có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Các đương sự cam kết không có nợ chung.

2. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Ông Lâm Huỳnh Thế K và bà Phạm Thị Bé T phải chịu là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0042570 ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố H, ông K và bà T đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014). 3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Tp.HCM;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Tp.HCM;
- Ủy ban nhân dân xã Tam Hiệp, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thư ký T).

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân